

Bản án số: 405/2022/DS-PT

Ngày: 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn T Tăng;
Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLPT-DS ngày 21/01/2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 271/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 463A, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bà M là: Luật sư Võ Thị Băng Giang – Văn phòng Luật sư Băng Giang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Huỳnh Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số nhà 463, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Văn T là: Anh Lê Khắc Tĩnh, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 19F, đường Đỗ Ngọc Quang, Phường 4, Quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Minh H, sinh năm 1965;

2. Nguyễn Thị Huỳnh L, sinh năm 2000;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Huỳnh L là: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Số nhà 463A, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ủy ban nhân dân huyện L;

Địa chỉ: Khóm Bình Thạnh 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện L là: Bà Nguyễn Thị Nhanh. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Xin vắng mặt).

4. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 463, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người giám hộ của ông Huỳnh Văn Đ là: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 413, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

5. Huỳnh Thị D, sinh năm 1975;

6. Huỳnh Văn L, sinh năm 1998;

7. Lê Thị D, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị D, anh Huỳnh Văn L và chị Lê Thị D là: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Số nhà 463, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Văng Thị T, sinh năm 1942 (Chết 12/4/2019);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Văng Thị T:

8.1. Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 413, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8.2. Huỳnh Thị M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 463A, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8.3. Huỳnh Thị C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 276A, ấp An Ninh, xã Định An, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8.4. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 463, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người giám hộ của ông Huỳnh Văn Đ là: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 413, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

8.5. Huỳnh Thị D, sinh năm 1975;

8.6. Huỳnh Văn T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số nhà 463, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8.7. Huỳnh Thị T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà 121, ấp An Ninh, xã Định An, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Huỳnh Trọng H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 464, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà 607, ấp An Khương, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Huỳnh Trọng H là: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà 463, ấp An L B, xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị M là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Huỳnh L là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI D V U Á N:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Cha bà là ông Huỳnh Văn Bé (Chết 2016), mẹ bà là Văng Thị T (Chết 2019). Cha mẹ bà có 08 người con gồm: 1. Huỳnh Văn Chương (Ông Chương chết 2015, vợ ông Chương chết khoảng 2009, các con gồm: Huỳnh Trọng H và Huỳnh Thị Ngọc B), 2. Huỳnh Thị Đ, 3. Huỳnh Thị M, 4. Huỳnh Thị C, 5. Huỳnh Văn Đ (Khuyết tật, tâm thần từ nhỏ), 6. Huỳnh Thị T, 7. Huỳnh Thị D và 8. Huỳnh Văn T.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà tạo lập thuộc một phần thửa 142, tờ bản đồ số 18 tại xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do cha mẹ là ông Huỳnh Văn Bé và bà Văng Thị T đứng tên quyền sử dụng đất do UBND huyện L cấp ngày 23/7/2015, diện tích 183m² (Đo đạc thực tế 192,2m²).

Trước đây, vào năm 1992 ông Bé và bà T có cho bà khoảng 60m² đất thuộc một phần thửa 142 nêu trên để cất nhà ở và buôn bán (Phần đất tranh chấp dưới mé sông). Đến năm 1997, do Nhà nước nạo vét sông vương vào nhà của bà nên ông Bé mới cho bà thêm một phần đất phía trên bờ để cất nhà ở (Đối diện với phần đất tranh chấp). Bà cất nhà phần đất trên bờ để ở, còn phần đất dưới mé sông để bán quán nước giải khát. Năm 2014, bà đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng chỉ được cấp quyền sử dụng đất phần đất trên bờ. Còn phần đất dưới mé sông cán bộ đo đạc cho rằng do Nhà nước quản lý nên không cấp quyền sử dụng.

Đầu năm 2016 ông Bé chết, bà T thì mất trí nhớ. Đến cuối năm 2016, ông T làm sẵn văn bản phân chia thừa kế và cùng cán bộ Tư pháp xã Định Yên là ông Quốc vào nhà lặn dấu tay bà T và ông Đ (Thời điểm này bà T là người mất trí) và sau đó ông T kêu bà Đ, B, D, T, C, H đến Ủy ban nhân dân xã Định Yên ký tên vào văn bản phân chia thừa kế để ông T đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18. Khi ký tên vào văn bản thừa kế ông T nói với các chị em là ký tên để ông T đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không phải để chia thừa kế. Sau này bà mới biết ký tên vào văn bản chia thừa kế là để ông T kê khai và đứng tên thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18 trong đó có phần đất bà đang sử dụng theo đo đạc thực tế là 80,6m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M1 mà cha, mẹ đã cho bà trước đây. Vì vậy, việc lập hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất cho ông T đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18 là vi phạm pháp luật, vi phạm ở chỗ

bà T và ông Đ đã mất năng lực hành vi dân sự mà ký tên trong hồ sơ thừa kế mà không có người giám hộ và việc chứng thực văn bản phân chia thừa kế ngày 17/11/2016 ghi không đúng quy định về thời gian và địa điểm chứng thực, chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Định Yên có 08 người, ngoài trụ sở là 02 người là bà T và ông Đ, nhưng trong văn bản thể hiện cùng thời gian và địa điểm.

Đối với phần đất tranh chấp diện tích $80,6m^2$ thuộc một phần thửa 142, tờ bản đồ số 18, trước đây có một phần là nương, ông T có thuê bơm cát san lấp phần nương này, bà thống nhất với trình bày của ông T giá trị phần cát san lấp phần đất tranh chấp có giá trị là 5.000.000 đồng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà buộc ông T trả lại diện tích tranh chấp $80,6m^2$ thì bà đồng ý trả lại ông T tiền bơm cát san lấp mặt bằng là 5.000.000 đồng.

Vì vậy, bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18, tại xã Định Yên, huyện L do ông Huỳnh Văn T đứng tên. Đồng thời, yêu cầu ông T trả lại phần đất $80,6m^2$ trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M1 thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18 mà bà đang sử dụng. Không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông T về việc yêu cầu bà tháo dỡ nhà trả lại đất tranh chấp.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Cha ông tên Huỳnh Văn Bé (Chết 2016), mẹ tên Văng Thị T (Chết 2019), ông Bé và bà T có 08 người con gồm: Huỳnh Văng Chưởng (Đã chết, con ông Chưởng là Huỳnh Trọng Hữu, Huỳnh Thị Ngọc B), Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị C, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị D và Huỳnh Văn T.

Lúc còn sống ông Bé, bà T có tạo lập được thửa 142, tờ bản đồ số 18 tại xã Định Yên, L, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn Bé và bà Văng Thị T đứng tên quyền sử dụng đất, diện tích , diện tích $183m^2$ (Đo đạc thực tế $192,2m^2$).

Năm 1996, ông Bé và bà T có cho bà M cất nhà ở tạm trên một phần thửa đất số 142 nêu trên. Đến năm 1997, do Nhà nước nạo vét sông vương vào phần nhà của bà M, nên ông Bé cho bà M dời nhà lên phần đất phía trên bờ để cất nhà ở. Bà M dọn nhà lên bờ ở còn phần đất dưới sông thì bỏ trống không ai sử dụng. Sau đó, bà M cất một cái quán bằng sàn gỗ trên cái nương, nhà lợp lá

để mua bán nước giải khát, đến khi quán hư hỏng thì bà M sửa lại quán lớn thêm như hiện nay.

Đầu năm 2016, ông Bé chết, đến giữa năm 2016 bà T cùng các anh em ông T là: M, D, Đ, C, T, Đ, H, B cùng ra xã ký tên vào văn bản phân chia thừa kế đồng ý cho ông thừa kế quyền sử dụng đất thửa 142, tờ bản đồ số 18. Do lúc làm thủ tục thừa kế bà T sức khỏe yếu không đi lại được, còn ông Đ thì bệnh tâm thần, nên ông cùng cán bộ Tư pháp xã Định Yên là ông Quốc mang văn bản phân chia thừa kế trên về nhà cho bà T và Đ lăn tay (Lúc này bà T nhận biết được sự việc). Đến đầu năm 2017 thì ông được cấp quyền sử dụng đất thửa 142, tờ bản đồ số 18. Ông thừa nhận việc lập thủ tục thừa kế cho ông phần đất nói trên ông Đ có lăn tay vào hồ sơ thừa kế mà không có người giám hộ là sai quy định pháp luật. Tuy nhiên, các hàng thừa kế còn lại, trong đó có bà M đều thống nhất ký tên do đó việc ông thừa kế và đứng tên quyền sử dụng là phù hợp pháp luật.

Đối với phần đất tranh chấp diện 80,6m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18, trước đây là nương, ông có thuê bơm cát san lấp phần nương với số tiền là 5.000.000 đồng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà M buộc ông trả lại diện tích tranh chấp 80,6m² thì ông không yêu cầu bà M trả lại cho ông tiền bơm cát là 5.000.000 đồng.

Ông không đồng ý trả lại 80,6m² đất thuộc một phần thửa số 142, tờ bản đồ số 18 theo yêu cầu của bà M. Ông yêu cầu bà M di dời quán nước của bà M trên phần đất tranh chấp trả lại đất cho ông.

- Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị D, ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị D, anh Huỳnh Trọng H, chị Huỳnh Thị Ngọc B trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh Huỳnh Văn T, không trình bày gì thêm.

+ Bà Huỳnh Thị C trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà M, không trình bày gì thêm.

+ Bà Huỳnh Thị Đ, đồng thời thời là người giám hộ cho ông Đ trình bày:

Thông nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh Huỳnh Văn T, không trình bày gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn T đứng tên và yêu cầu ông Huỳnh Văn T trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 80,6m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu hộ bà Huỳnh Thị M gồm Huỳnh Thị M, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Huỳnh L tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà (Quán nước giải khát), công trình, vật kiến trúc có trên đất trả lại cho ông Huỳnh Văn T diện tích 80,6m² (M1, M2, M3, M4) thuộc một phần của thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Buộc hộ bà Huỳnh Thị M gồm Huỳnh Thị M, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Huỳnh L tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà (Quán nước giải khát), công trình, vật kiến trúc có trên đất trả lại cho ông Huỳnh Văn T diện tích 80,6m² (M1, M2, M3, M4) thuộc một phần của thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18 đất tọa lạc tại xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2021 bà Huỳnh Thị M và chị Nguyễn Thị Huỳnh L làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà Huỳnh Thị M và chị Nguyễn Thị Huỳnh L yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T và công nhận diện tích 80,6m², thuộc một phần thửa 142, tờ bản đồ số 18, tại xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho bà M, chị L tiếp tục quản lý và sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Huỳnh Thị M và chị Nguyễn Thị Huỳnh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình. Các đương sự không

thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Huỳnh Văn T đồng ý hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho bà M 5.000.000đ.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và Lợi ích hợp pháp của bà M phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà M và chị L, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M và chị L, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận sự tự nguyện của ông T hỗ trợ cho bà M 5.000.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 80,6m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M1 thuộc một phần thửa số 142, tờ bản đồ số 18 là của ông Huỳnh Văn Bé và bà Văng Thị T tạo lập.

Ngày 28/01/2016 ông Bé chết, đến ngày 17/11/2016 bà T cùng các anh, chị, em và cháu của ông T là: M, D, Đ, C, T, Đ, Hữu, B cùng ký tên vào “Văn bản phân chia di sản thừa kế” đồng ý cho ông T được hưởng thừa kế 183m² đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18. Sau đó, đến ngày 25/01/2017 thì ông T được cấp quyền sử dụng đất thửa 142, tờ bản đồ số 18. Những người đồng thừa kế của ông Bé, trong đó có bà M đều thống nhất ký tên vào “Văn bản phân chia di sản thừa kế” ngày 17/11/2016 cho ông T được hưởng phần đất trên. Do đó, việc ông T được thừa kế và đứng tên quyền sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Bà M cho rằng phần đất tranh chấp bà đã được cha là ông Bé cho bà vào năm 1992, ông T gạt bà để làm thủ tục thừa kế phần đất của bà. Do bà sơ ý không xem nội D nên bà đã ký tên vào “Văn bản phân chia di sản thừa kế”

ngày 17/11/2016 cho ông T đứng tên thừa đất số 142, nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh là ông T gạt bà và cũng không có chứng cứ chứng minh ông Bé cho bà phần đất tranh chấp nêu trên. Đối với những người làm chứng thì cũng chỉ nghe nói lại là ông Bé có cho bà đất mà không trực tiếp chứng kiến việc cho đất nên không có cơ sở để xác định ông Bé đã cho bà đất.

[3] Xét việc bà M cho rằng thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất cho ông T thừa đất số 142, tờ bản đồ số 18 là vi phạm pháp luật. Do vào thời điểm này bà T và ông Đ đã mất năng lực hành vi dân sự nên cần pH cử người giám hộ cho bà T và ông Đ. Tuy nhiên, nếu cử người giám hộ cho bà T và ông Đ thì cũng là người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Bé, nhưng những người này cũng đã thống nhất cho ông T được hưởng thừa kế thừa đất số 142, tờ bản đồ số 18 nêu trên.

Tại tòa án cấp phúc thẩm bà M và chị L thừa nhận khoảng 06 năm nay, từ khi xảy ra tranh chấp quán bán nước của bà trên đất tranh chấp đóng cửa không còn mua bán nữa. Đồng thời, bà cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Do đó, việc bà M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thừa đất số 142, tờ bản đồ số 18 do ông Huỳnh Văn T đứng tên và yêu cầu ông T trả lại cho bà 80,6m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M1 thuộc một phần thừa đất số 142, tờ bản đồ số 18 là không có căn cứ.

[4] Đối với việc ông T đồng ý hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho bà M 5.000.000đ, xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà M và chị L là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên.

[6] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M và chị L, chấp nhận sự tự nguyện của ông T hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho bà M 5.000.000đ, sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện của ông T.

Do không chấp nhận kháng cáo của bà M và chị L nên bà M và chị L mỗi người pH chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai; Điều 612, Điều 650, Điều 656 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị M và chị Nguyễn Thị Huỳnh L.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T.

5. Buộc hộ bà Huỳnh Thị M gồm: Bà Huỳnh Thị M, ông Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Huỳnh L pH di dời toàn bộ căn nhà (Quán nước giải khát) và tài sản khác (Nếu có) để trả lại cho ông Huỳnh Văn T diện tích 80,6m² đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M1 thuộc một phần của thửa đất số 142, tờ bản đồ số 18 tại xã Định Yên, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/08/2017 của Tòa án nhân dân huyện L và Sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 15/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện huyện L).

Ông Huỳnh Văn T được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí, diện tích đất mà mình được sử dụng.

6. Ông Huỳnh Văn T trả cho bà Huỳnh Thị M 5.000.000 đồng (Tiền ông T tự nguyện hỗ trợ cho bà M di dời tài sản).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí:

+ Bà Huỳnh Thị M pH chịu 362.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 10322 ngày 24/3/2017 và biên lai số 16625 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Bà M được nhận lại tiền chênh lệch là 237.300 đồng.

+ Bà Huỳnh Thị M và chị Nguyễn Thị Huỳnh L mỗi người pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002411 và số 0002412 cùng ngày 07/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

+ Ông Huỳnh Văn T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0014168, ngày 17/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Huỳnh Thị M pH chịu 2.619.000 đồng (Bà M đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt